Tiết 36,37,38,39,41,41 42.

Chủ đề tích hợp : KÍ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

I. XÁC ĐỊNH CHỦ ĐỀ: Chủ đề kí Việt Nam hiện đại

1. Gồm các văn bản:

+ *Người lái đò Sông Đà* (Nguyễn Tuân);

+ *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (Hoàng Phủ Ngọc Tường).

- Tích hợp kiến thức bài:

+ *Luyện tập vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận*

+ *Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận*

II. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU CHỦ ĐỀ

1. ***Kiến thức:***

- Thấy được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm kí (*Người lái đò Sông Đà* – Nguyễn Tuân, *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* – Hoàng Phủ Ngọc Tường . Từ đó, nhận ra nét riêng, độc đáo của mỗi phong cách kí làm nên diện mạo vừa phong phú vừa độc đáo của kí văn học Việt Nam hiện đại.

- Hiểu được đặc trưng thể loại kí văn học Việt Nam hiện đại.

- Thấy được sự cần thiết phải vận dụng kết hợp phương thức diễn đạt và các thao tác lập luận trong bài văn nghị luận.

2. Kĩ năng:

- Vận dụng những tri thức về tác giả, hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm, ngôn ngữ... để đọc hiểu văn bản.

- Nhận diện thể kí và giải thích ý nghĩa của việc sử dụng thể kí.

- Nhận diện đề tài, chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài kí.

- Đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại:

+ Nhận diện và phân tích ý nghĩa của hình tượng nghệ thuật trong các bài kí.

+ Nhận diện và phân tích được cái tôi trữ tình của tác giả trong các bài kí.

+ Nhận diện và phân tích những nét đặc sắc về nghệ thuật của các bài kí trong chủ đề *Kí văn học Việt Nam hiện đại.*

+ Đánh giá những sáng tạo độc đáo của mỗi nhà văn qua các bài kí đã học.

+ Đọc diễn cảm, sáng tạo những đoạn văn hay, độc đáo.

- Vận dụng những kiến thức và kĩ năng đã học để đọc hiểu những bài kí hiện đại khác Việt Nam (Ngoài sách giáo khoa); nêu lên những kiến giải, suy nghĩ về các phương diện nội dung, nghệ thuật của các bài kí đã được học trong chủ đề;

- Vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để viết đoạn văn hoặc bài văn nghị luận về các bài kí đã học trong chủ đề.

3. Thái độ:

- Yêu mến, tự hào, trân trọng vẻ đẹp của quê hương, đất nước, con người.
- Có cách ứng xử thân thiện, tích cực với môi trường; ý thức giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống.

4. Các năng lực hướng tới hình thành và phát triển ở học sinh:

-Nhóm năng lực cốt lõi:

+ Năng lực giải quyết vấn đề nảy sinh, những tình huống có vấn đề trong bài học

+ Năng lực hợp tác trong làm việc nhóm để phát hiện vẻ đẹp hình tượng nghệ thuật và cái tôi trữ tình

+ Năng lực sáng tạo khi phân tích, lí giải vấn đề hay ứng dụng vấn đề vào thực tiễn

+ Năng lực tự quản bản thân về cảm xúc, hành vi…

- Nhóm năng lực chuyên biệt:

+ Năng lực giao tiếp tiếng Việt:

▪ Trước khi đọc hiểu chủ đề, phát huy *Năng lực thu thập thông tin* liên quan đến kí hiện đại Việt Nam; Trong khi đọc hiểu phát triển *Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm kí* văn học Việt Nam hiện đại theo đặc trưng, *Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về kí văn học*, *Năng lực khái quát, so sánh, đối chiếu vẻ đẹp* hai văn bản kí …

▪ Sau khi đọc hiểu, phát triển năng lực tạo lập văn bản.

+ Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mĩ: Năng lực phát hiện vẻ đẹp của nghệ thuật viết kí; Nâng cao sự thụ cảm thẩm mĩ

III. XÂY DỰNG BẢNG MÔ TẢ MỨC ĐỘ CÂU HỎI/BÀI TẬP

Mức độ / *Nội dung*	*Nhận biết*	*Thông hiểu*	*Vận dụng*	
			Vận dụng	*Vận dụng cao*
1. Về tác giả, tác phẩm, thể loại	- HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm. - Nhận biết được thể loại kí, tùy bút, bút kí	- HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào đến nội dung tư tưởng của tác phẩm. -Nắm bắt được đối tượng phản ánh của kí	- Vận dụng kiến thức chung về tác giả, tác phẩm, thể loại để lí giải những hình ảnh, chi tiết trong tác phẩm	- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời, thể loại của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm kí.

2. Đọc hiểu chủ đề: ***Giá trị nội dung**	- Phát hiện các hình tượng nghệ thuật được xây dựng trong hai tác phẩm kí (Hình tượng sông Đà, sông Hương, người lái đò; hình tượng cái tôi trữ tình)	- Chứng minh được các phương diện thể hiện của hình tượng nghệ thuật: Hình tượng sông Đà được miêu tả với những vách đá, mặt ghềnh, hút nước, thạch trận, dáng sông, sắc sông…Hình tượng sông Hương được miêu tả trong quan hệ với không gian địa lí: ở thượng nguồn, ngoại vi và thành phố Huế; trong mối quan hệ với âm nhạc, thi ca…	- Hình dung được vẻ đẹp của hình tượng nghệ thuật: Sông Đà vừa trữ tình vừa hung bạo, người lái đò sông Đà trí dũng, tài hoa, sông Hương mang vẻ đẹp in đậm cốt cách văn hóa, con người Huế; Hình tượng cái tôi NT , cái tôi HPNT độc đáo, riêng biệt.	- Phân tích, so sánh vẻ đẹp của hình tượng sông Đà và sông Hương, vẻ đẹp của cái tôi trữ tình Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường
***Giá trị nghệ thuật**	- Chỉ ra ngôn từ, chi tiết, hình ảnh, câu văn và các biện pháp nghệ thuật xây dựng hình tượng nghệ thuật	- Nhận xét hiệu quả, tác dụng của những biện pháp nghệ thuật	- Đánh giá về sự phù hợp của các biện pháp nghệ thuật trong việc thể hiện nội dung tư tưởng của tác phẩm	- So sánh vẻ đẹp văn phong Nguyễn Tuân và HPNT - Rút ra những đặc điểm nghệ thuật xây dựng hình tượng của thể kí văn học VN hiện đại
3. Khái quát đặc điểm kí	- Nhận ra đặc điểm kí trên các	- Giải thích, chứng	- Trình bày được vẻ đẹp	- Vận dụng những đặc điểm kí để phân

văn học Việt Nam hiện đại qua hai tác phẩm Người lái đò sông Đà, Ai đã đặt tên cho dòng sông	bình diện nội dung (đề tài, chủ đề, cảm hứng) và nghệ thuật viết kí (kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ…)	minh các biểu hiện cụ thể về nghệ thuật và nội dung kí qua hai tác phẩm	của hai tác phẩm theo đặc điểm thể loại	tích, cảm nhận những tác phẩm khác cùng thể loại - Biết vận dụng đặc điểm thể loại kí ghi chép và bộc lộ cảm nghĩ về các sự việc đã chứng kiến hoặc trải qua. phẩm
4. Đặc trưng phong cách kí Nguyễn Tuân, Hoàng Phủ Ngọc Tường qua hai tác phẩm	- Nhớ được các bình diện biểu hiện của phong cách nghệ thuật tác giả: Cái nhìn, khám phá đời sống; Cách tiếp cận, chọn lựa đề tài, chủ đề, cảm hứng; Các phương thức biểu hiện, các thủ pháp nghệ thuật; Giọng điệu riêng biệt	-Nhận ra điểm gặp gỡ của hai phong cách	- Phân tích được nét đặc sắc độc đáo trong nghệ thuật viết kí của Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường	- Cảm nhận được vẻ đẹp phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường qua các tác phẩm khác ngoài chương trình Sgk - Từ điểm gặp gỡ và đặc sắc của NT&HPNT khái quát được phong cách kí thời đại và sự đa dạng, phong phú diện mạo kí văn học hiện đại - Có ý thức thể hiện nét riêng trong ghi chép những vấn đề nảy sinh trong đời sống thực tiễn

IV. TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ ĐỀ

1. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

a. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc và soạn bài ở nhà theo hướng dẫn học bài.
- Tra cứu và tham khảo những thông tin có liên quan đến bài học (về tác giả, tác phẩm).

b. Chuẩn bị của giáo viên:

- Đọc SGK, tài liệu tham khảo về các tác giả, tác phẩm.

- Chuẩn bị phương tiện dạy học: máy tính, máy chiếu, tranh ảnh có liên quan đến bài dạy, …
- Chuẩn bị hệ thống câu hỏi theo các cấp độ.

2. Phương pháp dạy học của chuyên đề:

a. Phương pháp

+ Phương pháp đọc diễn cảm
+ Phương pháp dạy học nêu vấn đề
+ Phương pháp dạy học hợp tác
+ Phương pháp phát vấn, đàm thoại
+ Phương pháp thuyết trình

b. Kỹ thuật dạy học

+ Kỹ thuật đặt câu hỏi
+ Kỹ thuật chia nhóm
+ Kỹ thuật khăn trải bàn
+ Kỹ thuật " Phòng tranh"
+ Kỹ thuật công đoạn
+ Kỹ thuật " Bản đồ tư duy"...

3. Tiến trình dạy học

- Tiết 1-3: Khởi động chủ đề, giao nhiệm vụ và tìm hiểu mục bìa tùy bút *Người lái đò sông Đà* (NT)
- Tiết 4-6 . Đọc hiểu bài kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông?(HPNT)*
- Tiết 7*:* Kiến thức về văn nghị luận: *Luyện tập vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận; Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận.*

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (TRẢI NGHIỆM)

Tổ chức bằng hình thức: ***Du lịch qua màn ảnh nhỏ***

-Cách thức: HS sẽ theo lời dẫn dắt của GV để trải nghiệm du lịch qua video về khoảnh khắc hùng vĩ của sóng thác sông Đà, khoảnh khắc vượt thác dũng cảm, khéo léo của NLĐ và vẻ đẹp nữ tính, chung tình của người con gái sông Hương. Sau đó trả lời những câu hỏi do giáo viên đặt ra

-Nội dung:

1. Xem video thứ nhất và trả lời câu hỏi:

+ Đoạn video gợi em liên tưởng đến quãng sông nào trong tùy bút NLĐSĐ? (Mặt ghềnh Hát Lóong, dài hàng cây số, nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió…)

2. Xem video thứ 2 (một đoạn quay về Sông Hương- tùy GV chọn) và trả lời theo câu hỏi của GV:

+ Em hãy cho biết đoạn phim quay vị trí nào của thủy trình sông Hương? Khúc sông này được HPNT miêu tả độc đáo như thế nào? (Tùy theo đoạn phim GV chọn để đưa chốt câu trả lời. VD: Sông Hương đoạn thị trấn Bao Vinh xưa cổ; miêu tả vẻ đẹp chung tình của dòng sông- người con gái Huế, tính cách Huế)

3. Từ việc trải nghiệm qua màn ảnh nhỏ, em hãy cho biết giữa hình ảnh thực và hình ảnh trong trang kí nhà văn có sự khác nhau như thế nào? Vì sao có sự khác nhau đó? (*Hình ảnh thực sinh động, tác động trực tiếp vào giác quan; hình ảnh trong trang kí được miêu tả tập trung, ấn tượng, gợi lên những hình dung phong phú, trí tưởng tượng đa chiều, thi vị hơn. Bởi hình ảnh trong trang kí được khúc xạ qua lăng kính chủ quan của người nghệ sĩ nên mỗi hình ảnh mang dấu ấn cá tính của nghệ sĩ)*

-Thời gian dự kiến: 5 phút

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

NỘI DUNG 1: ĐỌC - HIỂU 2 VĂN BẢN KÍ

***Đọc - hiểu tùy bút *Người lái đò sông Đà* (Nguyễn Tuân)**

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt	Năng lực cần hình thành
Bước 1: TÌM HIỂU CHUNG		
*** Thao tác 1 :** **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm** - GV tổ chức cho HS nhớ lại và trình bày những nét cơ bản về tác giả NT (đã được học ở CTNV 11) - Gọi 1 HS đọc phần TD. - Cho biết thể loại và xuất xứ tác phẩm? - *Người lái đò sông Đà* được sáng tác trong hoàn cảnh nào? HS Tái hiện kiến thức và trình bày. - Nguyễn Tuân(1910-1987) là người trí thức, giàu lòng yêu nước và tinh thần dân tộc - Ông là nhà văn tài hoa và uyên bác -Nguyễn Tuân là người có cá tính mạnh mẽ và phóng khoáng. Với cá tính của mình, ông tìm đến thể tuỳ bút như một thể tất yếu. ****GV Tích hợp kiến thức Địa lí, Lịch sử Việt Nam những năm 60 hướng dẫn học sinh tìm hiểu tên gọi Sông Đà và hoàn cảnh ra đời tuỳ bút của Nguyễn Tuân***	***I/ Tìm hiểu chung:*** **1. Tác giả NT**: (Xem lại phần TD bài *Chữ người tử tù,* SGK Ngữ văn 11, tập I, tr 107). **2. Tuỳ bút "Sông Đà"** a. Hoàn cảnh sáng tác: ra đời năm 1960, gồm 15 tuỳ bút, là kết quả chuyến đi thực tế của tác giả năm 1958 ở vùng Tây Bắc. **b. Xuất xứ:** Bài tùy bút được in trong tập *Sông Đà* (1960). **c. Thể loại** Tuỳ bút: - Tuỳ bút thuộc thể kí -Thể hiện tính chủ quan, chất trữ tình rất đậm. Nhân vật chính là *cái tôi* của nhà văn; -Ngôn ngữ giàu hình ảnh và chất thơ. **d. Nội dung:** - Phông cảnh Tây Bắc vừa	-Năng lực thu thập thông tin. -Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra.

Tích hợp kiến thức địa lí: - **Sông Đà** (còn gọi là **sông Bờ** hay **Đà Giang**) là phụ lưu lớn nhất của sông Hồng. Sông bắt nguồn từ tỉnh Vân Nam, Trung Quốc chảy theo hướng tây bắc - đông nam để rồi nhập với sông Hồng ở Phú Thọ. **Tích hợp kiến thức lịch sử:** - Năm 1960 là thời kì miền Bắc xây dựng CNXH. Vì thế, nhà văn rất quan tâm đến người lao động ***GV Tích hợp kiến thức Lí luận văn học hướng dẫn học sinh tìm hiểu đặc điểm thể loại tuỳ bút của Nguyễn Tuân*** - Tuỳ bút là gì? **Tích hợp kiến thức Lí luận văn học: Tuỳ bút** - Vừa giàu tư liệu thực tế - Vừa mang tính chủ quan, tự do, phóng túng, biến hoá linh hoạt, giàu hình ảnh, nhạc điệu, từ ngữ phong phú, nhiều cách so sánh liên tưởng… - Thể loại giúp Nguyễn Tuân thăng hoa cảm xúc và tư tưởng của mình.	hung bạo hùng vĩ, vừa thơ mộng trữ tình. - Con người Tây Bắc dũng cảm, cần cù.	Năng lực giao tiếp tiếng Việt
Bước 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN – HÌNH TƯỢNG CON SÔNG ĐÀ		
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản** -Gv hướng dẫn HS cần đọc kĩ, vừa đọc vừa suy ngẫm và cảm nhận mạch văn, giọng điệu, ngôn ngữ cực kì biến hoá của Nguyễn Tuân - Sau khâu đọc, GV gọi 1 vài HS phát biểu cảm nhận chung về các hình tượng nổi bật trong đoạn trích, về văn phong Nguyễn Tuân. ***GV Tích hợp kiến thức Tiếng Việt (từ Hán Việt), làm văn (thao tác so sánh) hướng dẫn học sinh tìm hiểu đặc điểm độc đáo của con sông Đà.*** Hướng dẫn HS tìm hiểu hình tượng con sông Đà hung bạo:	***II/ Đọc - hiểu văn bản:*** **A. Nội dung:** **1. Hình tượng con sông Đà:** **a. Lai lịch con sông:** - "Chung thuỷ giai Đông tẩu; Đà giang độc Bắc lưu" (mọi con sông đều chảy theo hướng Đông, chỉ có sông Đà theo hướng Bắc) - Thơ Ba Lan: Đẹp vậy thay tiếng hát dòng sông	Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: Năng lực tư duy

Gọi HS đọc các đoạn văn ở trang 186,187. **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: **Nhóm 1:** Tìm những dẫn chứng tiêu biểu liên quan đến hình ảnh con sông Đà hung bạo? **Nhóm 2:** Trong thiên tùy bút, tác giả đã dùng những biện pháp nghệ thuật nào để khắc họa một cách ấn tượng hình ảnh con sông Đà hung bạo? ***GV Tích hợp kiến thức âm nhạc, hội họa, quân sự, Tiếng Việt (biện pháp tu từ về từ), hướng dẫn học sinh tìm hiểu đặc điểm độc đáo trong tài năng nghệ thuật của tác giả qua một đoạn văn tiêu biểu:*** *...Còn xa lắm mới đến cái thác dưới. ...hòn nào cũng nhăn nhúm méo mó hơn cả cái mặt nước chỗ này.*	- Ý nghĩa: Sông Đà như một nhân vật có diện mạo, có cá tính độc đáo. **b. Một con sông hung bạo, dữ dằn:** - *Quan sát công phu, tìm hiểu kĩ càng để khắc họa sự hung bạo trên nhiều dạng vẻ:* + Trong phạm vi 1 lòng sông hẹp, như chiếc yết hầu bị đá bờ sông chẹt cứng. + Trong khung cảnh mênh mông hàng cây số của một thế giới đầy gió gùn ghè, đá giăng đến chân trời và sóng bọt tung trắng xóa đòi *nợ xuýt*(từ độc đáo) + Những cái hút nước xoáy tít lôi tuột mọi vật xuống đáy sâu. + Những trùng vi thạch trận sẵn sàng nuốt chết con thuyền và người lái. + Âm thanh luôn thay đổi: oán trách nỉ non → khiêu khích, chế nhạo → rống lên. - *Vận dụng ngôn ngữ , kiến thức của các ngành, các bộ môn trong và ngoài nghệ thuật để làm nên hàng loạt so sánh liên tưởng, tưởng tượng kì lạ, bất ngờ.* + Hình dung một cảnh tượng rất đỗi hoang sơ bằng cách liên tưởng đến hình ảnh của chốn thị thành, có hè phố, có khung cửa sổ trên "cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt	-Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận. ***-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.*** ***- Năng lực giải quyết vấn đề:*** Năng lực sáng tạo Năng lực cảm thụ, thưởng thức cái đẹp

Hướng dẫn HS tìm hiểu hình tượng con sông Đà trữ tình: Gọi 1 HS đọc các đoạn văn ở trang 190, 191. **Nhóm 3:** Cách viết của nhà văn đã thay đổi thế nào khi chuyển sang biểu hiện sông Đà như một dòng chảy trữ tình? Dẫn chứng minh hoạ? (Câu 3, SGK) ***GV Tích hợp kiến thức thơ Đường(bài Hoàng hạc Lâu tống Mạnh Hạo Nhiên* của Lí Bạch đã học ở Văn 10) để hướng dẫn HS tìm hiểu về cái nắng Đường thi của sông Đà; tích hợp kiến thức Lịch sử 10 để nói về** *đời Lí đời Trần đời Lê* liên quan đến con sông *_GV chốt lại : Trong đoạn này, tác giả đã	đèn điện". + Tả cái hút nước quãng Tà Mường Vát: - nước thở và kêu như cửa cống cái bị sặc. ***-ặc ặc*** lên như vừa rót dầu sôi vào. (âm thanh-âm nhạc độc đáo) + Lấy hình ảnh "ô tô sang số nhấn ga" trên "quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực" để ví von với cách chèo thuyền … + Tưởng tượng về cú lia ngược của chiếc máy quay từ đáy cái hút nước→ cảm thấy có một cái thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thủy tinh khối đúc dày. (ngôn ngữ điện ảnh) + Dùng lửa để tả nước. ->Biểu tượng về sức mạnh dữ dội và vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên đất nước. ->Bậc kì tài trong lĩnh vực sử dụng ngôn từ (sự phá cách mà ngoại trừ các tay bút thực sự tài hoa, không ai làm nổi) **c. Một con sông Đà trữ tình:** - *Viết những câu văn mang dáng dấp mềm mại, yên ả, trải dài như chính dòng nước*: con sông Đà tuôn dài như một áng tóc trữ tình,... - *Dụng công tạo ra một*	

khéo dùng cái động để tả cái tĩnh và mỗi câu văn viết ra nghe có âm hưởng như thơ. Sự ví von ở đoạn này cũng có những nét đặc biệt. Tác giả ví một cái vốn đã trừu tượng với một cái còn trừu tượng hơn nữa (hoang dại - bờ tiền sử; hồn nhiên - nỗi niềm cổ tích tuổi xưa) khiến đoạn văn có sức hấp dẫn của một bài thơ siêu thực. **Nhóm 4:** Qua hình tượng sông Đà, Nguyễn Tuân thể hiện tình cảm gì đối với thiên nhiên đất nước ? * 1-2 HS đọc, cả lớp theo dõi. **HS phát biểu cảm nhận chung:** - Con sông Đà hung bạo và trữ tình - Người lái đò tài trí, dũng cảm -Văn NT đa dạng, biến hoá… **HS phát biểu** -Giải thích câu thơ chữ Hán của Nguyễn Quang Bích (tích hợp TV) -Ngay trong câu thơ, ta đã nhận ra con sông Đà có dòng chảy khác-dòng chảy nghịch ngược- những con sông trên đất Việt***(thao tác so sánh)*** * HS thảo luận theo 4 nhóm; 2 nhóm thực hiện 1 câu hỏi gợi ý của GV. * **Nhóm 1** trình bày kết quả thảo luận: - Tả vách thành -Tả ghềnh Hát Loóng -Tả cái hút nước -Tả thác -Tả *thạch thuỷ trận* Cụ thể : Cảnh đá *dựng thành vách*, những đoạn đá *chẹt* dòng sông như cái yết hầu; cảnh *nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió cuồn cuộn luồng gió gùn ghè*; những hút nước sẵn	*không khí mơ màng, khiến người đọc có cảm giác như được lạc vào một thế giới kì ảo.* + Con sông giống như một cố nhân lâu ngày gặp lại. + Nắng cũng "giòn tan" và cứ hoe hoe vàng mãi cái sắc Đường thi "yên hoa tam nguyệt" + Mũi thuyền lặng lẽ trôi trên dòng nước lững lờ như thương như nhớ. + Con hươu thơ ngộ trên áng cỏ sương như biết cất lên câu hỏi không lời. + Bờ sông hoang dại và hồn nhiên như một bờ tiền sử, phảng phất nỗi niềm cổ tích. ➢ Sự tài hoa đã đem lại cho áng văn những trang tuyệt bút. ➢ Tạo dựng nên cả một không gian trữ tình đủ sức khiến người đọc say đắm, ngất ngây.	

sàng nhấn chìm và đập tan chiếc thuyền nào lọt vào; những thạch trận, phòng tuyến sẵn sàng *ăn chết* con thuyền và người lái đò;… * **Nhóm 2** trình bày kết quả thảo luận: - *Tác giả vận dụng ngôn ngữ , kiến thức của các ngành, các bộ môn trong và ngoài nghệ thuật để làm nên hàng loạt so sánh liên tưởng, tưởng tượng kì lạ, bất ngờ.* -Chứng minh: Trong đoạn văn *Còn xa lắm*…, Nguyễn Tuân sử dụng nhiều biện pháp tu từ về từ. Đó là : - So sánh : *thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo..* - Nhân hoá: *oán trách , van xin, khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo.., rống lên , mai phục ,nhổm cả dậy ,ngỗ ngược, hòn nào cũng nhăn nhúm méo mó …* Tác dụng của hình thức nghệ thuật này là : gợi hình ảnh con sông Đà hùng vĩ, dữ dội. Không còn là con sông bình thường, Sông Đà như có linh hồn, đầy tâm địa, nham hiểm. Qua đó, ta thấy được phong cách nghệ thuật độc đáo của Nguyễn Tuân. - Nguyễn Tuân đã sử dụng tổng hợp tri thức của nhiều ngành . Cụ thể : - âm nhạc : tả âm thanh tiếng thác : *nước réo gần mãi lại, réo to mãi lên…* - Hội hoạ : vẽ bộ mặt của Đá : *nhăn nhúm méo mó* - Quân sự: *mai phục* Hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng đó là : thể hiện phong cách tài hoa, uyên bác của Nguyễn Tuân khi tả dòng sông Đà. Con sông được nhìn ở nhiều góc độ, trở nên sống động, mạnh mẽ, ấn tượng, thể hiện tình yêu thiên nhiên sâu đậm của nhà văn. - Trong đoạn văn tả *thạch thuỷ trận* : + Ngôn ngữ bóng đá : đá xếp hàng *tiền vệ*...		

+ Ngôn ngữ quân sự : đánh *vu hồi, đánh hồi lùng, pháo đài đá* * **Nhóm 3** trình bày kết quả thảo luận: *-Tác giả viết những câu văn mang dáng dấp mềm mại, yên ả, trải dài* + Sông Đà nhìn từ trên cao + Sau chuyến đi dài ngày + Khi đi thuyền trên sông Đà Cụ thể : -Dòng chảy uốn lượn của con sông như mái tóc người thiếu nữ Tây Bắc diễm kiều (Câu văn *"Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân"*khá dài, chỉ có một dấu phẩy, đòi hỏi người đọc phải đọc một hơi. Bằng lối viết này, phải chăng tác giả muốn nói với người đọc rằng dù ông có nói đến cạn hơi cũng không hết những nỗi niềm cảm xúc mà con sông Đà đã gợi lên. ; nước sông Đà biến đổi theo mùa, mỗi mùa có một vẻ đẹp riêng; - Cảnh vật hai bên bờ sông Đà vừa hoang sơ nhuốm màu cổ tích, vừa trù phú, tràn trề nhựa sống * **Nhóm 4** trình bày kết quả thảo luận: -Qua hình tượng sông Đà, Nguyễn Tuân thể hiện tình yêu mến thiết tha đối với thiên nhiên đất nước. với ông, thiên nhiên cũng là một tác phẩm nghệ thuật vô song của tạo hóa. -Cảm nhận và miêu tả sông Đà, Nguyễn Tuân đã chứng tỏ sự tài hoa, uyên bác và lịch lãm. Hình tượng sông Đà làm phông nền cho sự xuất hiện và tôn vinh vẻ đẹp của người lao động trong chế độ mới.		
Bước 3: HÌNH TƯỢNG ÔNG ĐÒ		

Thao tác 1: * Hướng dẫn HS tìm hiểu hình tượng người lái đò trong cuộc chiến đấu với con sông Đà hung bạo: * Gọi HS đọc đoạn miêu tả 1 quãng thuỷ chiến ở mặt trận sông Đà. * Tổ chức cho HS thảo luận câu 4 SGK: Phân tích hình tượng người lái đò trong cuộc chiến với con sông Đà hung bạo? GV bổ sung cho HS kiến thức liên quan đế lai lịch và ngoại hình ông đò, ***tích hợp kiến thức Tiếng Việt (so sánh tu từ, từ láy, liệt kê,…)*** +Bước vào cái tuổi 70, đầu tóc bạc trắng, thân hình ông lái đò vẫn đẹp như một pho tượng tạc bằng đá cẩm thạch. Nước da ánh lên chất sừng chất mun. Cánh tay rắn chắc trẻ tráng "Tay ông lêu nghêu như cái sào, chân ông lúc nào cũng khuỳnh khuỳnh như kẹp lấy một cuống lái tưởng tượng" + Những dấu tích trên thân thể và mỗi dấu tích là một thành tích, một sự kiện lịch sử của cuộc đời ông lão đã thầm lặng lập lên. Trên ngực của ông nổi lên một số "củ nâu" thương tích trên "chiến trường Sông Đà" – một "thứ Huân chương lao động siêu hạng". GV tổ chức thảo luận nhóm **Nhóm 1:** Tìm những dẫn chứng tiêu biểu liên quan đến hình ảnh ông đò có vẻ đẹp là người giàu trải nghiệm? ***GV tích hợp kiến thức Tiếng Việt (so sánh tu từ, nhân hoá), ngôn ngữ quân sự (binh pháp, phục kích).***	***2. Hình tượng người lái đò trong cuộc chiến đấu với con sông Đà hung bạo:*** **a. Chân dung**: tuổi 7*0, cái đầu quắc thước, thân hình cao to và gọn quánh như chất sừng mun, đôi cách tay còn trẻ tráng quá, giọng nói ào ào như thác nước…* →Khoẻ mạnh, rắn chắc gắn bó với nghề lái đò. **b. Cuộc sống**: *Làm nghề chở đò đã 10 năm liền, xuôi ngược trên sông Đà đã hơn 100 lần, giữ tay lái chính độ 60 lần, trí nhớ đóng đanh vào con sông Đà.* →Gắn bó với dòng sông, thấu hiểu tinh tường về nghề, nguyễn cuộc sống sôi động. c/Vẻ đẹp tính cách c1. Ông lái đò anh hùng - ông đò có vẻ đẹp là người giàu trải nghiệm. - Ông đò thông minh, dũng cảm +Tính chất cuộc chiến: không cân sức *** Vòng vây thứ nhất:** - *Sông Đà*: + Bốn cửa tử một cửa sinh nằm lập lờ phía tả ngạn +Âm thanh: mặt nước hò la vang dậy, tiếng hỗn chiến của nước, của thác đá + Sóng đánh miếng đòn độc	Năng lực hợp tác. -Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận. ***-Năng lực sử***

GV chốt lại ý nghĩa: những dòng văn của Nguyễn Tuân đã khắc họa thật sinh động hình ảnh của một con người gắn bó với lao động, yêu nghề sông nước, từng trải và giàu kinh nghiệm. **Nhóm 2:** Tìm và phân tích dẫn chứng tiêu biểu diễn tả cuộc chiến giữa người và sông qua 3 vòng *trùng vi*? ***GV tích hợp kiến thức Tiếng Việt (so sánh tu từ, nhân hoá, tương phản, dùng hàng loạt động từ mạnh), ngôn ngữ thể thao (đô vật, đánh miếng đòn độc), quân sự(chiến thuật, trận địa).*** GV bình thêm: Cảnh vượt thác là bài ca chiến trận hào hùng. Nguyễn Tuân đã tung ra một đội quân ngôn ngữ thật hùng hậu, đa dạng, biến ảo thần kì với liên tục những phép tu từ vô cùng sinh động : so sánh ngầm , nhân hóa , cường điệu … Câu chữ tuôn chảy ào ạt , điệp điệp trùng trùng tạo ra một bức tranh chiến trận hoành tráng về không gian, ấn tượng về hình ảnh hiểm nguy, gay cấn về tình huống… Kết hợp với phong cách sử dụng nhiều loại hình nghệ thuật, trong đoạn viết này Nguyễn Tuân đã cho thấy cách viết của ông như kịch bản phim và qua bàn tay đạo diễn, nó tạo ra sự sống động hồi hộp âu lo, thán phục… **Nhóm 3:** Tìm những dẫn chứng tiêu biểu liên quan đến hình ảnh ông đò có vẻ đẹp của một tâm hồn nghệ sĩ? **<u>Nhóm 4:</u>** Hãy cắt nghĩa vì sao, trong con mắt của Nguyễn Tuân, thiên nhiên Tây Bắc quý	hiểm nhất →Vòng vây thứ nhất tả kĩ nhất, dài nhất- sông, thác, đá cực mạnh, ác, vừa thách thức, doạ nạt, vừa đánh đòn cực hiểm - *Ông lái đò*: Hai tay giữ mái chèo, nén vết thương, kẹp chặt cuống lái; tiếng chỉ huy ngắn gọn, tỉnh táo →Dũng cảm, bình tĩnh *** Vòng vây thứ hai:** Tăng thêm nhiều cửa tử để đánh lừa; dòng thác hùm beo dâng hồng hộc tế mạnh →Tả ngắn hơn, chúng không hò reo ghê gớm nh trước nữnguyễn, cũng không giữ thế chủ động. - *ông lái đò*: đổi chiến thuật, nắm chắc binh pháp- **tự tin**; thuộc quy luật phục kích, nắm chặt bờm sóng, ghì c-ương lái, bám luồng nước phóng vào cửa sinh, đứa thì ông tránh mà rảo bơi chèo, đứa thì ông đè sấn mà chặt đôi ra- **linh hoạt.** *** Vòng vây thứ 3:** _ *Sông Đà:* số cửa ít, luồng chết dàn ra hai bên phải, trái - *Ông lái đò*: Động từ: *vút, xuyên* - tả độ nhanh, mạnh của con thuyền- **Táo bạo** **- Nguyên nhân làm nên chiến thắng:** + Sự ngoan cường, dũng cảm, ý chí quyết tâm vượt qua thử thách của cuộc sống	***dụng ngôn ngữ.*** ***- Năng lực giải quyết vấn đề:*** Năng lực sáng tạo Năng lực cảm thụ, thưởng thức cái đẹp

như *vàng* nhưng con người Tây Bắc mới thật xứng đáng là *vàng mười* của đất nước ta? Hướng dẫn học sinh vận dụng phép so sánh *Người lái đò sông Đà* với *Chữ người tử tù* viết trước cách mạng ở phương diện khắc họa con người. ***GV tích hợp kiến thức làm văn (thao tác phân tích, bình luận, so sánh) để hướng dẫn HS phát hiện nét giống và khác nhau giữa nhân vật Huấn Cao và ông đò.*** GV chốt lại: Anh hùng và nghệ sĩ là cái Đẹp ở ông đò mà nhà văn đã tìm kiếm được, không cần phải đi tìm ở *một thời vang bóng* xa xôi (như nhân vật Huấn Cao) mà phát hiện cái đẹp ngay trong cuộc sống hiện tại, trong con người bình thường và trong cái nghề bình thường. * 1 HS đọc, cả lớp theo dõi. * Thảo luận theo nhóm nhỏ (2 HS) dựa trên sự gợi ý của GV và trình bày. Các nhóm khác bổ sung. **Đại diện nhóm 1 trả lời:** -"trí nhớ ông được rèn luyện cao độ bằng cách lấy mắt mà nhớ tỉ mỉ như đóng đanh vào lòng tất cả những luồng nước của tất cả những con thác hiểm trở. Sông Đà, đối với ông lái đò ấy, như một trường thiên anh hùng ca mà ông đã thuộc đến cả những cái chấm than chấm câu và những đoạn xuống dòng ". - "ông lái đã nắm chắc được binh pháp của thần sông, thần đá. Ông đã thuộc qui luật phục kích của lũ đá". **Đại diện nhóm 2 trả lời:** + Ở **<u>trùng vi thứ nhất</u>,** vừa vào trận, sóng	+ Tài trí, sự hiểu biết và nhất là kinh nghiệm nhiều năm gắn bó với nghề sông nước, lên thác xuống ghềnh. C2/ Ông lái đò nghệ sĩ - Ông đó là *tay lái ra hoa* - Ông chọn lối sống bình dị -Ông có đức tính khiêm tốn →Đoạn viết về đêm hang đá tràn ngập chất trữ tình bên lửa cháy và có cả những câu chuyện đời thường ở quá khứ ở phía trước nhưng tuyệt nhiên không có hồi ức về hiểm nguy mà tất cả đều lãng mạn ngọt ngào. **- Cảm hứng của tác giả:** + Thiên nhiên Tây Bắc quý như vàng, còn con người lao động Tây Bắc là vàng mười của đất nước → trong cảm xúc thẩm mĩ của tác giả, con người đẹp hơn tất cả và quý giá hơn tất cả. + Con người quý giá ấy lại chỉ là những ông lái, nhà đò nghèo khổ, làm lụng âm thầm, giản dị, vô danh. + Những con người vô danh đó đã nhờ lao động, nhờ đấu tranh chinh phục thiên nhiên mà trở nên lớn lao, kì vĩ, hiện lên như đại diện của con người. => Người lái đò dũng cảm,	

nước, đá sông hò la vang dậy, ùa vào bẻ gãy cán chèo võ khí, đá trái thúc vào bụng, vào hông thuyền. Nước như đô vật túm thắt lưng ông đò rồi đánh miếng đòn độc, đánh vào chỗ hiểm. Nhưng ông đò cố nén vết thương, hai chân vẫn kẹp chặt cuống lái, mặt méo bệch đi. Trên con thuyền sáu bơi chèo vẫn nghe rõ tiếng chỉ huy ngắn gọn và tỉnh táo của người cầm lái, ông đò thực là một chiễn sĩ dũng cảm, rất bình tĩnh nén mọi đau đớn để chiến thắng kẻ thù. +Sang **<u>trùng vi thứ hai</u>**, không một phút ngừng tay nghỉ mắt, ông đò thay đổi chiến thuật. Rất nham hiểm, xảo quyệt, ***sông Đà tăng thêm cửa tử, bố trí cửa sinh lệch sang bên phải để đánh lừa ông lái. Như thú dữ, dòng thác hùm beo hồng hộc tế mạnh. Bọn thủy quân xô ra định kéo thuyền vào tập đoàn cửa tử. Với khí thế cưỡi đến cùng như cưỡi hổ, nắm chặt bờm sóng, ông đò ghì cương bám chắc lấy luồng nước đúng, phóng nhanh vào cửa sinh mà lái miết một đường chéo***. Hành động của ông lão thành thạo, chính xác, dũng mãnh trong từng động tác, đúng là tay lái ra hoa, điêu luyện của người nghệ sĩ. Bằng trí dũng, nghị lực kiên cường, người lái đò đã đánh bại dòng thác hùm beo đang hồng hộc tế mạnh. **<u>+Trùng vi thứ ba</u>** ***ít cửa hơn, nhưng bên phải bên trái đều là cửa tử.*** Luồng sống ở ngay giữa bọn đá hậu vệ. ***Như một lão tướng, dày dạn kinh nghiệm, dũng cảm, nhanh gọn, dứt khoát, ông đò bình tĩnh tiến vào trận địa, rồi bất ngờ phóng thẳng, chọc thủng cửa giữa. Con thuyền như một mũi tên lao vút xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa lái được, lượn được qua cổng đá cánh mở cánh khép. Thế là qua luồng chết, thế là hết cửa tử, ra đến cửa sinh***,... dòng	tài hoa, trí dũng - một nghệ sĩ tài ba trong nghệ thuật vượt thác, băng ghềnh- chính là thứ "vàng mười" của vùng Tây Bắc.- tiêu biểu cho con người lao động mới trong công cuộc xây dựng đất nước vươn lên làm chủ thiên nhiên (con người ở vị trí chiến thắng sông nước.) *Nét độc đáo trong cách khắc hoạ:* *Tô đậm nét tài hoa nghệ sĩ.* *Tạo tình huống đầy thử thách để nhân vật bộc lộ phẩm chất.* *Sử dụng ngôn ngữ miêu tả đầy cá tính, giàu chất tạo hình.* =>Khúc hùng ca ca ngợi con người, ca ngợi ý chí của con người, ca ngợi lao động vinh quang đã đưa con người tới thắng lợi trước sức mạnh tựa thánh thần của dòng sông hung dữ. Đó chính là những yếu tố làm nên chất vàng mười của nhân dân Tây Bắc và của những người lao động nói chung.	

sông vặn mình vào một bến cát có hang lạnh. Ông đò uy nghi rạng rỡ trở về từ cõi chết. Ông đã chiến thắng thiên nhiên làm chủ cuộc đời. Cuối cùng thiên nhiên phải khuất phục dưới sự tài ba và lòng dũng cảm tuyệt vời của con người. **Đại diện nhóm 3 trả lời:** *- Đêm ấy nhà đò đốt lửa trong hang đá , nướng ống cơm lam , và tòan bàn tán về cá anh vũ , cá dầm xanh ... Cũng chẳng thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua ".* Ông đò bộc lộ 2 phẩm chất của người nghệ sĩ: lối sống giản dị và đức tính khiêm tốn **Đại diện nhóm 4 trả lời:** - Thiên nhiên:*vàng* vì sông Đà vừa có vẻ đẹp hùng vĩ, vừa có vẻ đẹp thơ mộng - Cong người: *vàng mười* vì con người đẹp hơn tất cả, đẹp nhất từ trong lao động, trở thành anh hùng và nghệ sĩ. HS trả lời: -Họ có nhiều nét khác nhau vì họ xuất hiện trong hai thời kỳ khác nhau của lịch sử đất nước. Song cả hai đều giống nhau ở chất nghệ sĩ, chất chiến sĩ vẻ đẹp thăng hoa của con người trong vị trí xã hội, trong công việc cụ thể khi làm người và một nét chung nữa, ông đò cũng như ông Huấn đều rạng ngời phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân: tài hoa, uyên bác đầy sáng tạo bất ngờ trong dùng từ, viết câu và nồng ấm một tình yêu con người. -Hình ảnh ông lái đò cho thấy Nguyễn Tuân đã tìm được nhân vật mới: nhưng con người đáng trân trọng, ngợi ca, khong thuộc tầng lớp đài các *vang bóng một thời* mà là những người lao động bình thường-chất *vàng mười của Tây Bắc*. Qua đây, nhà văn mốn		

phát biểu quan niệm: người anh hùng không chỉ có trong chiến đấu mà còn có trong cuộc sống lao động thường ngày.		
Bước 4. Tổng kết		
Hướng dẫn HS tổng kết bài học GV: Nêu thành công nghệ thuật và ý nghĩa văn bản của đoạn trích tuỳ bút?*Người lái đò sông Đà* ngợi ca điều gì?_Qua tác phẩm, em có thể rút ra được điều gì về tác giả Nguyễn Tuân? * Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV	**1. Nghệ thuật:** - Những ví von, so sánh, liên tưởng, tưởng tượng độc đáo, bất ngờ và rất thú vị. - Từ ngữ phong phú, sống động, giàu hình ảnh và có sức gợi cảm cao. - Câu văn đa dạng, nhiều tầng, giàu nhịp điệu, lúc thì hối hả, gân guốc, khi thì chậm rãi, trữ tình… ***2. Ý nghĩa văn bản:*** - Giới thiệu, khẳng định, ngợi ca vẻ đẹp của thiên nhiên và con người lao động ở miền Tây Bắc của Tổ quốc. - Thể hiện tình yêu mến, sự gắn bó thiết tha của Nguyễn Tuân đối với đất nước và con người Việt Nam.	***-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.***

***Đọc - hiểu bút kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông*? (Hoàng Phủ Ngọc Tường)**

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt	Năng lực cần hình thành
Bước 1: TÌM HIỂU CHUNG		
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm** - GV gọi 1 HS đọc lại phần *Tiểu dẫn* và trình bày những nét chính về tác giả, tác phẩm *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* và vị trí đoạn trích. GV cũng nên khuyến khích HS	I. TÌM HIỂU CHUNG **1. Tác giả** - Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trí thức yêu nước, là nhà văn gắn bó mật thiết với xứ Huế nên tâm hồn, tình cảm thấm đẫm văn hoá của mảnh đất này.	-Năng lực thu thập thông tin.

trình bày những kiến thức về tác giả, tác phẩm mà các em đọc được ngoài SGK. GV nhấn mạnh: - Nét đặc sắc trong phong cách nghệ thuật của HPNT: có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và trữ tình, giữa nghị luận sắc bén với duy tả đa chiều được tổng hợp từ vốn kiến thức sâu rộng về nhiều lĩnh vực, lối viết hướng nội, xúc tích, mê đắm và tài hoa tạo cho thể loại bút kí một phong cách riêng, đem đến những đóng góp mới cho nền văn xuôi Việt Nam hiện đại - Trên lớp, GV kiểm tra việc đọc tác phẩm ở nhà của HS. Có thể tiến hành bằng cách yêu cầu HS cho biết bố cục đoạn trích, xác định thuỷ trình của dòng sông qua sự miêu tả của nhà văn và nêu cảm nhận của bản thân về đoạn văn mà anh (chị) thích nhất. - Sau khi gọi một số HS trình bày, GV chốt lại bố cục đoạn trích và các ý chính. HS đọc và trình bày. -Cuộc đời của Hoàng Phủ Ngọc Tường gắn bó sâu sắc với xứ Huế (sinh ra tại thành phố Huế, học Đại học Huế, dạy học tại Trường Quốc học Huế, tham gia phong trào cách mạng tại Huế và trở thành một trí thức yêu nước, một chiến sĩ trong phong trào đấu tranh chống Mĩ — Nguỵ ở Thừa Thiên - Huế). - Hoàng Phủ Ngọc Tường là người có vốn hiểu biết sâu rộng trên nhiều lĩnh vực, nhất là lịch sử, địa lí, văn hoá Huế. - Hoàng Phủ Ngọc Tường là nhà văn chuyên vẻ thể loại bút kí.	- Chuyên về bút kí với đề tài khá rộng lớn, đó là cảnh sắc và con người khắp mọi miền đất nước nhất là những bài viết về Huế. - Nét đặc sắc trong phong cách nghệ thuật của HPNT **2. Tác phẩm:** - *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* được viết tại Huế ngày 04/01/1981, in trong tập sách cùng tên (NXB Thuận Hoá 1986) - Bài kí gồm 3 phần, đoạn trích gồm phần thứ nhất và đoạn kết.	-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra. Năng lực giao tiếp tiếng Việt
Bước 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN		
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản** -GV yêu cầu HS đọc (đọc thầm) lại một lần nữa đoạn văn đầu tiên rồi tìm hiểu xem nhà văn đã miêu tả sông Hương ở thượng nguồn	II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN **A/ Nội dung:** **1. Thủy trình của Hương giang:** *a) Sông hương nơi khởi*	Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: Năng lực tư duy

như thế nào. **<u>* Thao tác 2 : Thảo luận nhóm</u>** **Nhóm 1:** Nhà văn đã gọi sông Hương bằng tên gọi nào ? Đã ví nó với ai ? Đã sử dụng những thủ pháp nghệ thuật nào để làm nổi bật vẻ đẹp và đặc tính của con sông ?) **Nhóm 2:** -GV dẫn dắt và nêu câu hỏi : Nhà văn đã hình dung về sông Hương như thế nào khi nó còn ở "giữa cánh đồng Châu Hoá đầy hoa dại" ? Từ đó, hãy phát hiện điều thú vị trong cách cảm nhận của Hoàng Phủ Ngọc Tường về thuỷ trình của con sông khi nó bắt đầu về xuôi? -GV lưu ý HS phân tích những đặc sắc trong cách miêu tả của nhà văn qua nghệ thuật sử dụng từ ngữ, cách hành vần và các biện pháp nghệ thuật khác... **Nhóm 3:** -GV gợi ý thảo luận, tìm hiểu : Cuối cùng thì sông Hương cũng đã đến được thành phố thân yêu của mình. So với trước khi vào thành phố, sông Hương đã có thêm những vẻ đẹp mới, độc đáo và hiếm thấy ở các dòng sông khác trên thế giới. Ai có thể chứng minh điều đó qua việc phân tích các góc độ cảm nhận và miêu tả sông Hương của Hoàng Phủ Ngọc Tường ? **Nhóm 4:** *Vẻ đẹp của sông Hương trước khi từ biệt Huế thể hiện như thế nào?* **Đại diện nhóm 1 trả lời:** - Sông Hương mang vẻ đẹp của một sức sống mãnh liệt, hoang dại, được thể hiện qua	*nguồn:* - là "bản trường ca của rừng già" - là "cô gái Digan phóng khoáng và man dại" - là "người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở" - "rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn". -> Sự tài hoa của ngòi bút HPNT: liên tưởng kì thú, ngôn từ gợi cảm, câu văn dài, chia làm nhiều vế liên tục gợi dậy dư vang của trường ca; thủ pháp điệp cấu trúc + động từ mạnh tạo âm hưởng mạnh mẽ của con sông giữa rừng già *b) Đến ngoại vi thành phố Huế:* - sông Hương được ví "như người con gái đẹp nằm ngủ mơ màng" được "người tình mong đợi" đến đánh thức. - Vẻ đẹp trầm mặc như triết lí, như cổ thi - Nghệ thuật: -> Thủy trình của sông Hương khi bắt đầu về xuôi tựa "một cuộc tìm kiếm có ý thức" người tình nhân đích thực của một người con gái đẹp trong câu chuyện tình yêu lãng mạn nhuốm màu cổ tích, gắn với những thành	-Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận. ***-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.*** ***- Năng lực giải quyết vấn đề:*** Năng lực sáng tạo Năng lực cảm thụ, thưởng thức cái đẹp

những so sánh và những hình ảnh đầy ấn tượng: - là "bản trường ca của rừng già" -> Nhấn mạnh Sức sống mãnh liệt, vừa hùng tráng vừa trữ tình, như bản trường ca bất tận của thiên nhiên; - là "cô gái Digan phóng khoáng và man dại" -> nhấn mạnh vẻ đẹp hoang dại nhưng tình tứ của dòng sông. Tác giả nhân hoá con sông khiến nó hiện lên như một con người có cá tính và tâm hồn; - là "người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở" -> sông Hương như một đấng sáng tạo góp phần tạo nên, gìn giữ và bảo tồn văn hoá.. + "rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn". **Đại diện nhóm 2 trả lời:** - Dưới ngòi bút tài hoa của Hoàng Phủ Ngọc Tường: + Sông Hương như người gái đẹp bừng tỉnh sau một giấc ngủ dài: vóc dáng mới, sức sống mới đầy khát khao và lãng mạn. - Nghệ thuật: + Lối hành văn uyển chuyển, ngôn ngữ đa dạng, giàu hình ảnh tg đã diễn tả một cách sinh động và hấp dẫn từng bước đi của sông Hương + Những câu văn giàu chất hoạ, giàu cảm xúc và liên tưởng. **Đại diện nhóm 3 trả lời:** *+Sông Hương — "điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế"* Miêu tả dòng sông giữa lòng thành phố, Hoàng Phủ Ngọc Tường chọn cho mình kênh tiếp cận là âm nhạc. Ở góc độ này, sông Hương chính là "điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế".	quách, lăng tẩm của vua chúa thuở trước. *c) Đến giữa thành phố Huế:* - Sông Hương gặp thành phố như đến với điểm hẹn tình yêu, nó như tìm được chính mình nên vui tươi và đặc biệt chậm rãi, êm dịu, mềm mại như một tiếng "vâng" không nói ra của tình yêu. - Nó có những đường nét tinh tế: "uốn một cánh cung rất nhẹ sang cồn Hến". - "điệu chảy lặng tờ" của con sông khi ngang qua thành phố đẹp như "điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế". - Phải rất hiểu sông Hương, tác giả mới cảm nhận thấm thía vẻ đẹp con sông lúc đêm sâu. Đó là lúc mà âm nhạc cổ điển Huế được sinh thành. Khi đó, trong không khí chùng lại của dòng sông nước ấy, sông Hương đã trở thành một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya. *d) Trước khi từ biệt Huế:* - Sông Hương giống như "người tình dịu dàng và chung thủy". - Con sông dùng dằng như "nàng Kiều trong đêm tình tự" trở lại tìm Kim Trọng để nói một lời thề trước lúc đi xa.	

Đại diện nhóm 4 trả lời: - Sông Hương giống như "người tình dịu dàng và chung thủy". - Con sông dùng dằng như "nàng Kiều trong đêm tình tự" trở lại tìm Kim Trọng để nói một lời thề trước lúc đi xa. **Thao tác 3:** GV: Trong lịch sử và trong đời thường, thi ca, sông Hương đã hiện lên với những vẻ đẹp đáng trân trọng và đáng mến. Nhà văn đã phát hiện và lí giải về những vẻ đẹp đó của Hương giang như thế nào ? - GV nêu vấn đề : Vì sao sông Hương lại có thể trở thành dòng sông thi ca, là nguồn cảm hứng bất tận cho người nghệ sĩ ? **Thao tác 4:** ? Tác giả đã lí giải về tên của dòng sông như thế nào? Cách lí giải ấy cho hiểu thêm điều gì về tính cách và tâm hồn người Huế? HS phát hiện và lí giải: => lịch sử: hùng tráng và đời thường: giản dị, sông Hương tự biết thích ứng với từng hoàn cảnh, không gian và thời gian khác nhau -> dòng sông trở nên mới mẻ trong càm nhận của mọi người và có thêm vẻ đẹp mới - Sông Hương còn là dòng sông thi ca, là nguồn cảm hứng bất tận cho các văn nghệ sĩ. Tác giả cho rằng có một dòng thi ca về sông Hương. Đó là dòng thơ không lặp lại mình: + "Dòng sông trắng - lá cây xanh"(*Chơi xuân*-Tản Đà) + "Như kiếm dựng trời xanh"(*Trường giang như kiếm lập thanh thiên*-Cao Bá Quát). + "Con sông dùng dằng, con sông không	**2. Dòng sông của lịch sử và thi ca:** - Trong lịch sử, sông Hương mang vẻ đẹp của một bản hùng ca ghi dấu bao chiến công oanh liệt của dân tộc "...". - Trong đời thường, sông Hương mang vẻ đẹp giản dị của "một người con gái dịu dàng của đất nước". - Sông Hương còn là dòng sông thi ca, là nguồn cảm hứng bất tận cho các văn nghệ sĩ. **** Ai đã đặt tên cho dòng sông?*** - Tên của dòng sông được lí giải bằng một huyền thoại mĩ lệ: đó là chuyện về cư dân hai bên bờ sông nấu nước của trăm loài hoa đổ xuống dòng sông cho làn nước thơm tho mãi mãi. Huyền thoại về tên dòng sông đã nói lên khát vọng của con người ở đây muốn đem cái đẹp và tiếng thơm để xây đắp văn hoá, lịch sử, địa lý quê hương mình.	

chảy Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu"(Thơ của Thu Bồn)		
Bước 3: TỔNG KẾT		
-GV : Về phương diện nghệ thuật, những yếu tố nào đã làm nên vẻ đẹp và **sự hấp dẫn của bài bút kí đặc sắc này ?** -Từ đoạn văn anh (chị) hiểu thêm điều gì về thể loại bút kí ? Thể loại này có gì giống và khác với thể loại tuỳ bút ? (So sánh với tuỳ bút của Nguyễn Tuân) GV: Nêu ý nghĩa văn bản? GV : Tóm lại, một bài kí đặc sắc như vậy chỉ có thể là kết quả, là tổng hoà của những tình cảm và phẩm chất nào ở Hoàng Phủ Ngọc Tường ? HS đọc, phát hiện và lí giải . HS trả lời: - Văn phong tao nhã, hướng nội, tinh tế và tài hoa. - Sức liên tưởng kì diệu, sự hiểu biết phong phú về kiến thức địa lý, lịch sử, văn hoá nghệ thuật và những trải nghiệm của bản thân - Ngôn ngữ phong phú, giàu hình ảnh, giàu chất thơ, sử dụng nhiều phép tu tư như: So sánh, nhân hoá, ẩn dụ, ... - Có sự kết hợp hài hoà cảm xúc, trí tuệ, chủ quan và khách quan. Chủ quan là sự trải nghiệm của bản thân. Khách quan là đối tượng miêu tả - dòng sông Hương.	**1. Nét đặc sắc của văn phong Hoàng Phủ Ngọc Tường (Nghệ thuật bài kí):** - Thể loại bút kí - Văn phong tao nhã, hướng nội, tinh tế và tài hoa. - Sức liên tưởng kì diệu, sự hiểu biết phong phú về kiến thức địa lý, lịch sử, văn hoá nghệ thuật và những trải nghiệm của bản thân - Ngôn ngữ phong phú, giàu hình ảnh, giàu chất thơ, sử dụng nhiều phép tu tư như: So sánh, nhân hoá, ẩn dụ, ... - Có sự kết hợp hài hoà cảm xúc, trí tuệ, chủ quan và khách quan. Chủ quan là sự trải nghiệm của bản thân. Khách quan là đối tượng miêu tả - dòng sông Hương. ***2) Ý nghĩa văn bản:*** Thể hiện những phát hiện, khám phá sâu sắc và độc đáo về sông Hương; bộc lộ tình yêu tha thiết, sâu lắng và niềm tự hào lớn lao của nhà văn đối với dòng sông quê hương, với xứ Huế thân thương.	***-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.***

<u>NỘI DUNG 2</u>: TÍCH HỢP KIẾN THỨC VĂN NGHỊ LUẬN

***Luyện tập vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn nghị luận:**

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt	Năng lực cần hình thành
Hoạt động: **Luyện tập trên lớp**		
<u>* Thao tác 1 :</u> Hướng dẫn HS luyện tập trên lớp: * **Nhóm 1** Vì sao trong một bài văn nghị luận chúng ta có những lúc cần vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt : tự sự, miêu tả, biểu cảm ? * **Nhóm 2** Muốn cho việc vận dụng các phương thức biểu đạt có kết quả cao thì chúng ta cần chú ý điều gì ? Cho ví dụ * **Nhóm 3** Đọc đoạn trích trong SGK để trả lời câu hỏi. * **Nhóm 4** Viết bài nghị luận ngắn theo chủ đề SGK nêu ra (chú ý thực hiện theo những gợi ý trong SGK). **HS trao đổi nhóm, trả lời, lớp trao đổi thống nhất kết luận** * **Nhóm 1** Trong bài văn nghị luận có lúc cần vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, miêu tả và biểu cảm vì : - Khắc phục hạn chế của văn nghị luận đó là sự khô khan, thiên về lý tính khó đọc. + Yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm đem lại sự cụ thể, thuyết phục cho văn nghị luận . Tạo sự hấp dẫn cho văn nghị luận. * **Nhóm 2** Yêu cầu của việc kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn nghị luận:	**I. Luyện tập trên lớp** *Bài tập 1* a) Trong bài văn nghị luận có lúc cần vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, miêu tả và biểu cảm b) Yêu cầu của việc kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn nghị luận: *Bài tập 2* Vận dụng kết hợp phương thức biểu đạt thuyết minh trong văn nghị luận - Thuyết minh là thao tác	-Năng lực thu thập thông tin. -Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận.

- Bài văn phải thuộc một kiểu văn bản chính, ở đây kiểu văn bản chính dứt khoát phải là văn nghị luận. - Kể, tả, biểu cảm chỉ là những yếu tố kết hợp. Chúng không được làm mất làm mờ đi đặc trưng nghị luận của bài văn. - Các yếu tố kể, tả, biểu cảm trong bài văn nghị luận phải chịu sự chi phối và phải phục vụ quá trình nghị luận, bàn bạc *** Nhóm 3** - Trong đoạn trích, người viết muốn khẳng định về sự cần thiết của chi tiêu GNP (bên cạnh GDP) . Để làm làm cho bài viết của mình thuyết phục ngoài việc sử dụng các thao tác lập luận, người viết còn vận dụng thao tác thuyết minh, giới thiệu một cách rõ ràng, chính xác về chỉ số GDP và GNP ở Việt Nam. *** Nhóm 4** Chủ đề : Nhà văn mà tôi hâm mộ. (Văn bản mẫu : tham khảo bài viết về nhà văn Thạch Lam của Nguyễn Tuân).	giới thiệu, trình bày chính xác, khách quan về tính chất, đặc điểm của sự vật, hiện tượng. - Tác dụng, ý nghĩa của việc sử dụng thao tác thuyết minh. + Hỗ trợ đắc lực cho sự bàn luận của tác giả, đem lại những hiểu biết thú vị . + Giúp người đọc hình dung vấn đề một cách cụ thể và hình dung về mức độ nghiêm túc của vấn đề. *Bài tập 3 : Viết bài văn nghị luận*	Năng lực giao tiếp tiếng Việt

***Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận:**

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt	Năng lực cần hình thành
Bước 1: **Luyện tập trên lớp**		
<u>* Thao tác 1 :</u> Tổ chức luyện tập trên lớp Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi, bài tập trong SGK. HS có thể hoạt động tập thể theo nhóm, tổ hoặc cá nhân. **- HS trả lời: căn cứ vào mục đích để phân biệt các thao tác trên.** Một số gợi ý : - Hãy nhắc lại những tao tác lập luận mà anh (chị) đã học cùng những đặc trưng cơ bản của từng thao tác.	**I. Luyện tập trên lớp** 1. Ôn tập về các thao tác lập luận và những đặc trưng cơ bản của thao tác lập luận - Thao tác lập luận phân tích : - Thao tác lập luận so sánh :	-Năng lực thu thập thông tin. -Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra.

- Đối với các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, GV cần có những giải thích thật thấu đáo. Vì những yếu tố này tưởng là xa lạ với văn nghị luận nhưng kỳ thực nếu biết vận dụng hợp lý chúng sẽ làm văn nghị luận bớt khô khan, trừu tượng. *HS Tái hiện kiến thức và trình bày.* **HS trả lời: 6 thao tác.** **(giải thích, chứng minh, bình luận, phân tích, so sánh, bác bỏ).** - Thao tác lập luận phân tích: chia đối tượng ra thành nhiều yếu tố, bộ phận nhỏ để có thể nhận biết đối tượng một cách cặn kẽ, thấu đáo. - Thao tác lập luận so sánh : Làm rõ thông tin về sự vật bằng cách đem nó đối chiếu với đối tượng sự vật khác quen thuộc hơn, cụ thể hơn để chỉ ra sự giống nhau và khác nhau giữa chúng - Thao tác lập luận giải thích : là giảng giải về các vấn đề liên quan đến đối tượng một cách cụ thể, rõ ràng cho người nghe, người đọc hiểu tường tận. - Thao tác lập luận chứng minh : Mục đích của chứng minh là làm người ta tin tưởng về những ý kiến, nhận xét có đầy đủ căn cứ từ trong những sự thật hoặc chân lý hiển nhiên - Thao tác lập luận bác bỏ : Chính là dùng lý lẽ và chứng cứ để gạt bỏ những quan điểm, ý kiến sai lệch hoặc thiếu chính xác từ đó nêu ý kiến đúng của mình để thuyết phục người nghe. - Thao tác lập luận bình luận : Nhằm đề xuất và thuyết phục người đọc tán đồng với nhận xét đánh giá, bàn luận của mình về một hiện tượng trong đời sống hoặc trong văn học.	- Thao tác lập luận giải thích : - Thao tác lập luận chứng minh : - Thao tác lập luận bác bỏ : - Thao tác lập luận bình luận : - Tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh : những yếu tố này có thể đem lại sự cụ thể, sống động cho văn nghị luận.	Năng lực giao tiếp tiếng Việt
Bước 2: **Luyện tập vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận.**		

<u>* Thao tác 1 :</u> Tổ chức luyện tập vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận. - GV yêu cầu HS xem xét một đoạn văn bản trong SGK và trả lời câu hỏi, yêu cầu chỉ ra cụ thể từng thao tác, đưa ra dẫn chứng cho từng thao tác (không phải trả lời một cách chung chung). 3. GV hướng dẫn HS thực hành, viết văn bản có sự kết hợp các thao tác nghị luận. **** HS trả lời cá nhân*** - Các thao tác lập luận trong đoạn trích *Tuyên ngôn độc lập* + Thao tác lập luận phân tích. + Thao tác lập luận chứng minh. + Thao tác lập luận bình luận. + Thao tác tự sự miêu tả, biểu cảm. - Các thao tác này được vận dụng tổng hợp, kết hợp rất linh hoạt trong đoạn trích. 3. - HS đọc kỹ đề bài - HS viết bài dựa trên gợi ý của SGK (trong khoảng 15 - 20 phút). - HS trình bày bài làm trước lớp. (tuỳ theo lượng thời gian mà GV yêu cầu số lượng HS trình bày nhiều hay ít) - HS chỉ ra trong bài đã sử dụng thao tác lập luận nào. - HS khác sẽ nhận xét, bổ sung hoặc điều chỉnh, hoàn thiện các văn bản đã được trình bày.	**2. Luyện tập vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận.** - Các thao tác lập luận trong đoạn trích Tuyên ngôn độc lập - Các thao tác này được vận dụng tổng hợp, kết hợp rất linh hoạt trong đoạn trích. 3. Viết bài văn nghị luận vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận Tham khảo bài viết trong SGK	Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: Năng lực tư duy -Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận. ***-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.***

<u>HOẠT ĐỘNG 3</u>: LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH

? Viết cảm nghĩ về một đoạn văn mà anh(chị) thấy đặc sắc nhất trong 2 bài bút kí. (có thể viết bài văn ngắn/đoạn văn).

<u>HOẠT ĐỘNG 4</u>: VẬN DỤNG

Bài tập: Viết một bài văn nghị luận ngắn, trong đó vận dụng **ít nhất 3 thao tác lập luận** khác nhau và phải vận dụng kết hợp **ít nhất 1 trong 4 phương thức biểu đạt** (tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh) để trình bày quan điểm của anh/chị về:

- Nhóm 1 + 2:

Nét đặc sắc của thể loại kí VN hiện đại qua hai bài kí "Người lái đò sông Đà" và "Ai đã đặt tên cho dòng sông?"

- Nhóm 3 + 4:

Từ hai tác phẩm kí, em hãy rút ra điểm gặp gỡ và nét độc đáo trong nghệ thuật viết kí của Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường?

Gợi ý

***Yêu cầu chung:**

- Hình thức bài văn nghị luận.
- HS biết vận dụng các phương thức biểu đạt và các thao tác lập luận.

Nhóm 1+ 2: Đặc điểm kí văn học Việt Nam hiện đại qua hai tác phẩm

a. Về nội dung:

- Đề tài: Phong phú: Thiên nhiên, con người, các hiện tượng nổi bật vừa có tính xác thực vừa có tính thẩm mĩ:

+Vẻ đẹp thiên nhiên và con người Tây Bắc giai đoạn kiến thiết, xây dựng CNXH ở miền Bắc trong kí *NLĐSĐ*

+Vẻ đẹp thiên nhiên, văn hóa, lịch sử Huế trong *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

- Chủ đề: Qua phản ánh sự thật đời sống để bộc lộ những *cảm xúc, cảm nghĩ, suy tư của cái tôi trữ tình* về hiện thực khách quan

+NLĐSĐ: qua hình tượng dòng sông và người lái đò nhà văn tìm kiếm, khẳng định ngợi ca chất vàng thiên nhiên và "thứ vàng 10" trong tâm hồn người lao động Tây Bắc trong ở đại mới

+AĐĐTCDS?: qua hình tượng sông Hương nhà văn khẳng định, tự hào, tôn vinh giá trị văn hóa, lịch sử Huế đồng thời thể hiện tình yêu da diết với quê hương

- Cảm hứng: Thường bộc lộ cảm hứng của một cái tôi trữ tình *bay bổng, lãng mạn, dạt dào cảm xúc*

b. Về nghệ thuật:

- ***Kết cấu:*** Tổ chức sắp xếp sự việc, hình ảnh, nhân vật theo *liên tưởng, tưởng tượng* phóng túng đa chiều không bị ràng buộc bởi những quy phạm chặt chẽ. Vì thế kết cấu kí *có sự đan cài giữa mạch tự sự và mạch suy tư, suy tưởng, cảm xúc*.

+ NLĐSĐ kể về con sông Đà và cuộc chiến đấu của người lái đò với sông Đà nhưng nhà văn kể theo những liên tưởng phóng túng của một cái tôi tài hoa uyên bác

+AĐĐTCDS?: đan xen giữa những miêu tả, liên tưởng về hành trình và vẻ đẹp sông Hương là những câu chuyện vừa có thật vừa nhuốm màu huyền thoại

-Ngôn ngữ:

+ *Giàu hình ảnh, giàu liên tưởng tưởng tượng;* Mang đậm tính chủ thể, gắn liền với cá tính sáng tạo của tác giả

+Vận dụng rất nhiều biện pháp tu từ, đặc biệt biện pháp *so sánh, nhân hóa được phát huy hết công suất*, hiệu quả của chúng

-Giọng điệu: Đa thanh, linh hoạt: giọng trần thuật, giọng phân tích, giọng trữ tình, giọng suy tưởng…nhưng phải mang dấu ấn riêng của nghệ sĩ.

Nhóm 3 + 4: Đặc trưng phong cách kí Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường qua hai tác phẩm

* Phong cách nghệ thuật nhà văn là sự thể hiện tài nghệ của người nghệ sĩ trong việc đem đến cho người đọc một cách nhìn mới mẻ về cuộc đời thông qua những phương thức, phương tiện nghệ thuật mang đậm dấu ấn chủ quan của người nghệ sĩ. *Phong cách nghệ thuật của tác giả được thể hiện qua những*

phương diện: cái nhìn cách cảm thụ có tính khám phá; sự sáng tạo các yếu tố nội dung như đề tài, chủ đề, cảm hứng…; Hệ thống phương thức biểu hiện, thủ pháp nghệ thuật mang đậm dấu ấn cá tính sáng tạo; giọng điệu riêng.

***Điểm gặp gỡ:**

- Đều bộc lộ *cái tôi tài hoa uyên bác* với cái nhìn về thiên nhiên và sự vật ở phương diện văn hóa, thẩm mĩ, có một vốn tri thức lịch lãm(tuy nhiên biểu hiện cụ thể của sự tài hoa uyên bác lại khác nhau)
- Đều có một *ngôn ngữ giàu trí tưởng tượng, liên tưởng* phong phú

➔ Nét gặp gỡ làm nên đặc trưng phong cách thể loại kí

***Nét độc đáo:**

- Nét riêng về cái nhìn, khám phá cuộc sống:

+ Nguyễn Tuân nghiêng về miêu tả, phát hiện *cái đẹp va đập mạnh vào giác quan*, nghĩa là phải khác thường, đầy cá tính, hoặc đẹp tuyệt vời hoặc dữ dội, gây ấn tượng đậm nét (Con sông Đà đẹp trong cái hung bạo dữ dội, trữ tình; Người lái đò bình dị nhưng đầy chất tài hoa, nghệ sĩ- anh hùng, dũng cảm)

+ HPNT nghiêng về khám phá *cái đẹp hướng nội* (nghĩa là HPNT có xu hướng khám phá chiều sâu của đối tượng với những nghiền ngẫm, suy tư lắng sâu, đằm thắm)

-Nét riêng về cách xử lí chủ đề (sáng tạo nội dung)

+ NT khám phá vẻ đẹp dòng sông và con người lao động để *tìm kiếm, khẳng định vẻ đẹp chất vàng thiên nhiên và "thứ vàng mười đã qua thử lửa"* ở tâm hồn con người lao động Tây Bắc thời đại mới

+ HPTN thông qua vẻ đẹp sông Hương để *tôn vinh vẻ đẹp cốt cách văn hóa, vẻ đẹp tính cách con người Huế*

-Nét riêng về cách sử dụng ngôn ngữ:

+ NT huy động triệt để vốn văn hóa, kiến thức chuyên môn của nhiều ngành (quân sự, bóng đá, thể thao, điện ảnh, điêu khắc, hội họa…) để tạo nên *lớp từ ngữ giàu có, biến hóa,điêu luyện, uyên bác*; HPNT huy động kiến thức về địa lí, lịch sử văn hóa, nghệ thuật Huế để sáng tạo nên những *ngôn từ đẹp tinh tế, tao nhã, sang trọng,* sâu lắng

+ Những biện pháp NT ưa dùng là những *so sánh, ví von, nhân hóa phá cách, lạ lẫm,bất ngờ, cầu kì, hoa mĩ* , lối văn không ngừng tác động vào cảm giác người đọc; HPNT có thế mạnh trong những *so sánh, ví von độc đáo đầy chất thi họa, thi nhạc làm nên chất trữ tình dịu ngọt, đắm say*

-Nét riêng trong giọng điệu:

Giọng điệu NT là *giọng kể sắc sảo, lịch lãm*; HPNT có chất giọng vừa *trữ tình, vừa chiêm nghiệm, suy tư*

➔Nét độc đáo của mỗi phong cách góp phần tạo nên diện mạo phong phú của kí văn học Việt Nam hiện đại

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- Giới thiệu học sinh tiếp tục tìm đọc các bài kí của Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường (giới thiệu sách tìm đọc: *Nguyễn Tuân tuyển tập*, NXB văn học 2012…)
- Vẽ sơ đồ tư duy về bài học:

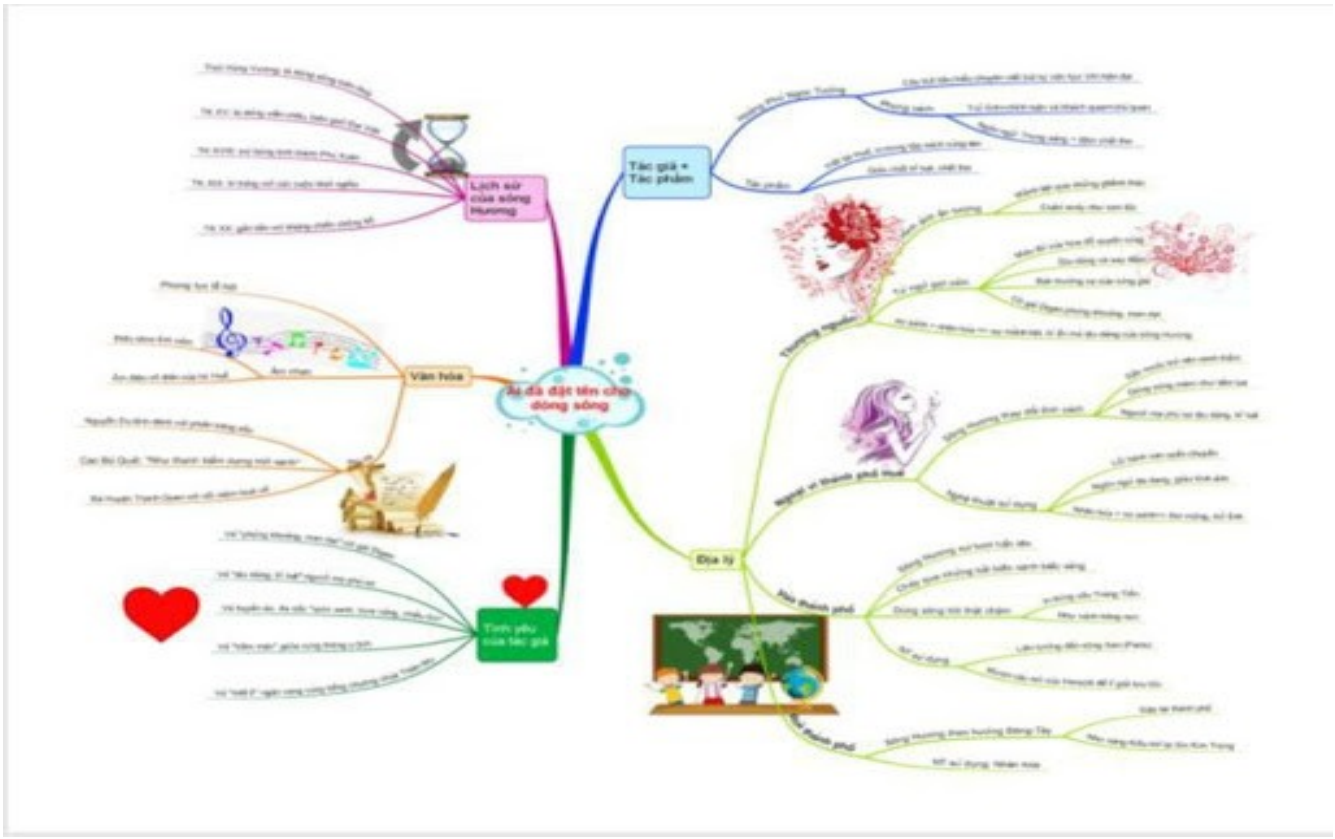

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên
- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng
- Dạy học theo Chuẩn kiến thức - kĩ năng.